

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **1172/2017/HNGĐ-PT**

Ngày: 20-12-2017

Về việc tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Phương.

Bà Đặng Thị Bích Loan.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án,

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Bà Võ Phạm Phương Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 111/2017/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về việc “Ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 1873/2017/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2792/2017/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Phú Minh P**, sinh năm 1976; địa chỉ thường trú: Số A đường C, Phường D, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Số E đường số G, phường H, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)
- *Bị đơn:* Bà **Trần Minh P**, sinh năm 1978; địa chỉ: Số A đường C, Phường D, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)
- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Trần Minh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn ông Phú Minh P trình bày như sau:

Ông và bà Trần Minh P tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 203 quyền số 02/2004 do Ủy ban nhân dân Phường D, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 9 năm 2004. Quá trình chung sống, giữa ông và bà P nảy sinh nhiều bất đồng nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Từ năm 2012 đến nay hai người đã sống ly thân. Do cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Minh P.

Về con chung: Ông và bà Trần Minh P có 02 con chung là Phú Minh Thiên A, giới tính: Nam, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2010 và Phú Minh Phương A, giới tính: Nữ, sinh ngày 17 tháng 8 năm 2012. Ông đồng ý giao 02 con chung cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ông cấp dưỡng 5.000.000 đồng hàng tháng cho 02 con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải, bị đơn bà Trần Minh P trình bày như sau:

Bà đồng ý với nội dung nguyên đơn ông Phú Minh P trình bày về quan hệ hôn nhân và về con chung giữa hai người. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng đến khoảng tháng 9 năm 2012 khi bà sinh người con thứ hai, bà phát hiện việc ông P có tình cảm và chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác. Tuy nhiên, bà vẫn còn tình cảm với ông P, các con còn nhỏ và sức khỏe không tốt, cần sự chăm sóc của cả cha lẫn mẹ nên bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà đồng ý trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung. Yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 10.000.000 đồng, cấp dưỡng hàng tháng hoặc một lần với tổng số tiền là 1.560.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, ông P còn phải sắp xếp chỗ ở và thường xuyên gặp gỡ các con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 1873/2017/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 9 năm 2017, Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Phú Minh P:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phú Minh P được ly hôn bà Trần Minh P.

Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao 02 con chung là Phú Minh Thiên A, sinh năm 2010 và Phú Minh Phương A, sinh năm 2012 cho bà Trần Minh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc nguyên đơn ông Phú Minh P cấp dưỡng hàng tháng 7.000.000 đồng cho 02 con chung đến khi trẻ đủ 18 tuổi và phải thi hành ngay.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung khi ly hôn; về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12 tháng 9 năm 2017, bị đơn bà Trần Minh P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do bà không đồng ý ly hôn, mong muốn hàn gắn, đoàn tụ gia đình để hai người cùng nhau nuôi dưỡng, chăm sóc tốt các con chung còn nhỏ tuổi. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà yêu cầu Tòa án buộc ông Phú Minh P phải cấp dưỡng nuôi các con chung hàng tháng 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Minh P vẫn giữ nguyên yêu cầu, xác định kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Bà xác định vẫn còn tình cảm với ông P, 02 con chung còn quá nhỏ rất cần sự chăm sóc của cả cha và mẹ, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà yêu cầu Tòa án buộc ông P cấp dưỡng nuôi 02 con chung hàng tháng số tiền 10.000.000 đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn ông Phú Minh P không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Minh P với lý do hai người đã sống ly thân trong thời gian dài, tình cảm vợ chồng đã không còn và không thể hàn gắn đoàn tụ, đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm giải quyết cho ông được ly hôn với bà P. Về mức cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 7.000.000 đồng ông cho là vượt quá khả năng của mình vì hàng tháng ông chỉ thu nhập không quá 10.000.000 đồng, ngoài ra ông còn phải chi trả chi phí chữa trị bệnh cho bản thân, mặc dù không kháng cáo nhưng ông đề nghị Tòa án ghi nhận mức cấp dưỡng hàng tháng cho 02 con chung là 5.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề xuất đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Căn cứ tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn ở mức độ trầm trọng, thời gian sống ly thân kéo dài chứng tỏ giữa hai người đã không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ, Tòa sơ thẩm giải quyết cho ly hôn là có cơ sở. Về con chung, Tòa án giao cả 02 con chung cho bà Trần Minh P, buộc ông Phú Minh P cấp dưỡng nuôi 02 con chung hàng tháng 7.000.000 đồng là phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của ông P và nhu cầu thiết yếu của 02 con chung. Do đó, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

I. Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Minh P làm trong thời hạn luật định phù hợp với các quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo quy định là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

II. Về nội dung:

Xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Minh P, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Ông Phú Minh P và bà Trần Minh P kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 203 quyển số 02/2004 do Ủy ban nhân dân Phường D, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 9 năm 2004 được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai người có 02 con chung là trẻ Phú Minh Thiên A và Phú Minh Phương A. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, ông P khởi kiện yêu cầu được ly hôn bà Trần Minh P; ông đồng ý giao 02 con chung cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và hàng tháng ông cấp dưỡng nuôi hai con số tiền 5.000.000 đồng. Tòa án nhân dân quận B giải quyết cho ly hôn, giao 02 con chung cho bà P nuôi dưỡng và buộc nguyên đơn cấp dưỡng 7.000.000 đồng/tháng.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, bị đơn bà Trần Minh P kháng cáo yêu cầu được hòa giải đoàn tụ gia đình do bà vẫn còn tình cảm với chồng; đồng thời, bà không đồng ý với mức cấp dưỡng tại phần quyết định của bản án sơ thẩm.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Quá trình chung sống theo lời trình bày của nguyên đơn ông Phú Minh P thì cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không có sự hòa hợp, thời gian sống ly thân kéo dài gần 04 năm nay nên không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ gia đình. Bị đơn bà Trần Minh P thừa nhận hai người không còn thực tế chung sống từ năm 2012, ông P không chung thủy, không giành thời gian chăm sóc các con. Lí do mà bà P đưa ra yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà vẫn còn tình cảm với ông P, các con chung còn nhỏ nên cần có sự chăm sóc của cha mẹ. Ngoài lời trình bày của mình, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh, cũng không đưa ra được phương án để hòa giải, đoàn tụ gia đình.

Xét, tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, hai người không còn thực tế chung sống nên cần bác yêu cầu kháng cáo của bà P, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về con chung:

Các đương sự thống nhất giao cả 02 con chung cho bà Trần Minh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Thỏa thuận của các đương sự không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật, tòa sơ thẩm ghi nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự là có cơ sở; các đương sự không kháng cáo phần quyết định này của bản án sơ thẩm nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Nguyên đơn ông Phú Minh P trình bày bản thân ông có mức thu nhập không cao, hàng tháng còn phải chi phí chữa bệnh cho bản thân nên không thể thực hiện mức cấp dưỡng 7.000.000 đồng/tháng, yêu cầu Tòa án ghi nhận mức cấp dưỡng nuôi 02 con chung hàng tháng là 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông P không có kháng cáo, do đó không có cơ sở để xem xét giải quyết yêu cầu của ông P. Ngược lại, bị đơn cho rằng khoản tiền cấp dưỡng nuôi 02 con chung 7.000.000 đồng/tháng là không thỏa đáng, bà cần sự hỗ trợ của ông P để có điều kiện chăm sóc cho các con tốt hơn. Yêu cầu Tòa án buộc ông P cấp dưỡng nuôi 02 con chung hàng tháng số tiền là 10.000.000 đồng.

Xét, theo quy định của pháp luật, cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên kể cả sau khi ly hôn. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tiền cấp dưỡng nuôi con bao gồm những chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng và học hành của con. Theo văn bản cung cấp tài liệu, chứng cứ ngày 22 tháng 5 năm 2017, bà P trình bày hàng tháng tổng chi phí nuôi dưỡng các con chung là 13.620.000 đồng. Ông Phương hiện đang trong độ tuổi lao động, thực tế có công việc và thu nhập ổn định hàng tháng nên phải chịu một phần phí tổn nuôi dưỡng các con chung. Tòa sơ thẩm xem xét mức thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của các con chung chưa thành niên quyết định buộc ông Phú Minh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con 3.500.000 đồng/tháng, tổng cộng là 7.000.000 đồng là có cơ sở và phù hợp. Do đó, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về mức cấp dưỡng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm như luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 85, 107, 116 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

I. Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của bị đơn bà Trần Minh P vì làm trong thời hạn luật định.

II. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Minh P, giữ nguyên quyết định của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 1873/2017/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phú Minh P:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phú Minh P được ly hôn bà Trần Minh P. Giấy chứng nhận kết hôn số 203 quyển số 02/2004 do Ủy ban nhân dân Phường D, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 9 năm 2004 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Ông Phú Minh P và bà Trần Minh P có 02 con chung là Phú Minh Thiên A, giới tính: Nam, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2010 và Phú Minh Phương A, giới tính: Nữ, sinh ngày 17 tháng 8 năm 2012. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao cả 02 con chung cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Buộc nguyên đơn ông Phú Minh P cấp dưỡng hàng tháng cho con chung là trẻ Phú Minh Thiên A số tiền 3.500.000 (Ba triệu năm trăm nghìn) đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ Thiên Ân đủ 18 tuổi; cấp dưỡng hàng tháng cho con chung là trẻ Phú Minh Phương A số tiền 3.500.000 (Ba triệu năm trăm nghìn) đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ Phương An đủ 18 tuổi.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phú Minh P phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện tranh chấp về ly hôn, được trừ vào 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 002512 ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, đương sự đã thi hành xong án phí sơ thẩm về phần này.

Ông Phú Minh P phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

III. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn bà Trần Minh P phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002940 ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, đương sự đã thi hành xong án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- TAND quận B, Tp. HCM;
- Chi cục THADS quận B, Tp. HCM;
- UBND Phường D, quận B, Tp. HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tuấn